

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-CTUBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương Quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 69/TTr-SCT ngày 09/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU:

1. Quan điểm:

Phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ trên cơ sở cân đối khả năng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và dăm gỗ, phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 tỉnh Bình Định, Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Phát huy mạnh mẽ nội lực đi đôi với tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đất đai và lao động tại địa phương nhằm xây dựng vùng nguyên liệu ổn định lâu dài theo hướng phát triển đa dạng, bền vững để chủ động cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến dăm gỗ với hiệu quả kinh tế cao; tăng cường sự hợp tác phát triển giữa các cơ sở chế biến dăm gỗ với người trồng rừng.

Phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến, đầu tư theo chiều sâu, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, hướng tới sản xuất sản phẩm sau dăm gỗ phù hợp với nhu cầu thị trường, có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao nhằm góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu:

a. Mục tiêu chung:

Khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai hiện có, tận dụng những lợi thế của từng địa phương để phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tập trung,

thâm canh, gắn hiệu quả kinh tế với phát triển bền vững, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến dăm gỗ được quy hoạch hoạt động ổn định, có hiệu quả.

Sắp xếp lại ngành công nghiệp chế biến dăm gỗ trên cơ sở cân đối các nguồn nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm gỗ rừng trồng để sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn nguyên liệu. Định hướng phát triển sản xuất ván nhân tạo phục vụ sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, trong đó ưu tiên khuyến khích phát triển sản xuất sản phẩm gỗ ghép thanh, ván MDF, ván dán chất lượng cao.

b. Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2015, sản lượng chế biến dăm gỗ đạt 850.000 BDMT (*Bone Dryed Metric Tone: Tấn khô tuyệt đối*), với nhu cầu nguyên liệu khoảng 1,7 triệu tấn gỗ rừng trồng (bao gồm nguyên liệu trong và ngoài tỉnh); kim ngạch xuất khẩu đạt từ 115 đến 120 triệu USD. Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang sản xuất các mặt hàng gỗ khác phù hợp với nhu cầu thị trường như gỗ ghép thanh, ván MDF ...

Đến năm 2020, sản lượng chế biến dăm gỗ đạt khoảng 1 triệu BDMT, với nhu cầu nguyên liệu khoảng 2 triệu tấn gỗ rừng trồng (bao gồm nguyên liệu trong và ngoài tỉnh); kim ngạch xuất khẩu đạt từ 130 đến 150 triệu USD, đồng thời hạn chế xuất khẩu dăm gỗ. Sau năm 2020, tập trung phát triển các sản phẩm sau dăm gỗ và sản xuất ván nhân tạo.

3. Định hướng quy hoạch:

Phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ theo hướng tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp chế biến dăm gỗ phù hợp với quy hoạch đầu tư phát triển rừng trồng của các tổ chức và các cá nhân; thâm canh tăng năng suất, đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy chế biến ổn định, hiệu quả và bền vững.

Tăng cường công tác thu hút đầu tư các nhà máy chế biến các sản phẩm từ dăm gỗ như: bột giấy, ván dăm, ván ghép thanh, ván MDF, sản xuất sợi visco... để tăng hiệu quả kinh tế từ trồng rừng nguyên liệu. Phấn đấu đến sau năm 2020 hạn chế và đi đến không xuất khẩu dăm gỗ, trên cơ sở không gây tác động tiêu cực đến các nhà máy băm dăm hiện tại và vấn đề tiêu thụ gỗ rừng trồng.

Rà soát, sắp xếp hợp lý các doanh nghiệp chế biến dăm gỗ trên địa bàn, đảm bảo sử dụng tối đa lợi thế so sánh của doanh nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm, có phương án sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu với công suất chế biến, không quy hoạch các nhà máy chế biến dăm gỗ tại các khu dân cư và ở ngoài khu, cụm công nghiệp, không quy hoạch phát triển mới nhà máy chế biến dăm gỗ.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Quy hoạch sắp xếp ngành công nghiệp chế biến dăm gỗ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

Trên cơ sở các nhà máy hiện có, ổn định sản xuất với quy mô công suất chế biến đến 1 triệu BDMT/năm, tương ứng với khoảng 2 triệu tấn gỗ tươi mà các vùng nguyên liệu có khả năng đáp ứng (vùng nguyên liệu 33.441 ha, bao gồm diện tích rừng trồng, rừng liên doanh liên kết trong và ngoài tỉnh của các doanh nghiệp).

Đối với các nhà máy có diện tích vùng nguyên liệu nhỏ, sản lượng khai thác không đáng kể hoặc chưa đầu tư vùng nguyên liệu, chủ yếu thu mua nguyên liệu

trong và ngoài tỉnh để sản xuất, không chủ động được nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến; tùy vào đặc điểm tình hình của từng doanh nghiệp, có phương án khả thi chuyển đổi sang sản xuất các mặt hàng phù hợp như chế biến gỗ từ nguyên liệu nhập khẩu, sản xuất ván dăm, ván sợi, ván ghép thanh, ván MDF theo lộ trình thích hợp trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015.

2. Phân bố theo vùng nguyên liệu.

Các doanh nghiệp ổn định sản xuất đến năm 2025 được phân bố trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố như sau:

- Phía Nam tỉnh (thành phố Quy Nhơn): Có 8 nhà máy với tổng quy mô công suất 607.000 BDMT/năm, có vùng nguyên liệu 23.556 ha (rừng doanh nghiệp trồng, rừng liên doanh liên kết).

- Phía Tây tỉnh (các huyện Vân Canh, Tây Sơn và thị xã An Nhơn): Có 7 nhà máy với tổng quy mô công suất 480.000 BDMT/năm, có vùng nguyên liệu 6.120 ha (rừng doanh nghiệp trồng, rừng hợp đồng trong tỉnh và rừng liên doanh liên kết với tỉnh Gia Lai).

- Phía Bắc tỉnh (các huyện Phù Mỹ, Hoài Nhơn): Có 5 nhà máy với tổng quy mô công suất 275.000 BDMT/năm, có vùng nguyên liệu 3.765 ha (rừng doanh nghiệp trồng, rừng của các thành viên đóng góp, rừng hợp đồng và rừng liên doanh liên kết).

Ngoài ra, trên địa bàn các huyện Vĩnh Thạnh, Hoài Ân và An Lão có đất lâm nghiệp theo chức năng sản xuất khá lớn 54.600 ha (Vĩnh Thạnh 20.010 ha, Hoài Ân 23.970 ha và An Lão 10.620 ha); trong đó, đất chưa có rừng của huyện Vĩnh Thạnh: 2.597 ha, Hoài Ân: 4.750 ha và An Lão: 3.215 ha; chiếm 35% đất lâm nghiệp theo chức năng sản xuất toàn tỉnh.

Với diện tích có rừng và đất chưa trồng rừng như trên, trong thời gian đến các địa phương này có thể kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ, các sản phẩm từ gỗ như ván lạng, ván ghép thanh ... phù hợp với đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và định hướng của Quy hoạch này.

3. Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu.

Theo mục tiêu phát triển chế biến dăm gỗ đến năm 2015 đạt 850.000 BDMT thì nhu cầu nguyên liệu cần thu mua khoảng 1,7 triệu tấn gỗ rừng trồng, tương ứng 17.700 ha rừng hàng năm đến tuổi khai thác (sản lượng khai thác 90-95 tấn/ha, tương ứng 120 m³/ha); tổng diện tích rừng trồng trong giai đoạn này cần khoảng 65.000 - 75.000 ha (rừng hiện có 66.114 ha).

Theo Quy hoạch phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2015, tổng diện tích trồng rừng sản xuất 52.687 ha; trong đó: trồng rừng mới trên đất trống đồi núi trọc 12.000 ha, bình quân 2.400 ha/năm; trồng lại rừng trồng sau khai thác 40.687 ha, bình quân 8.137 ha/năm.

Giai đoạn 2016 - 2020, tổng diện tích trồng rừng sản xuất là 59.335 ha, trong đó: Trồng rừng mới trên đất trống đồi núi trọc khoảng 6.000 ha, bình quân 1.200 ha/năm; trồng lại rừng trồng sau khai thác 53.335 ha, bình quân khoảng 10.667 ha/năm.

Trong những năm 2012 - 2015, nguồn nguyên liệu gỗ khai thác từ rừng trồng trong tỉnh chỉ đáp ứng khoảng 50% công suất các nhà máy chế biến, nguyên liệu còn lại các doanh nghiệp phải liên doanh liên kết hoặc thu mua ngoài tỉnh. Sau năm 2015 nguyên liệu mới cơ bản đáp ứng nhu cầu chế biến dăm gỗ theo Quy hoạch.

4. Các chương trình, dự án ưu tiên và nhu cầu vốn đầu tư

a. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2012 - 2015

- **Khuyến khích chuyển đổi sang sản xuất các mặt hàng khác đối với một số doanh nghiệp chế biến dăm gỗ:** Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang sản xuất các mặt hàng phù hợp như sản xuất ván dăm, ván sợi, ván ghép thanh, ván MDF... các doanh nghiệp chủ động và khẩn trương lập phương án khả thi chuyển đổi sang chế biến gỗ từ nguyên liệu nhập khẩu, theo lộ trình thích hợp trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015.

- **Đối với các doanh nghiệp chế biến dăm gỗ đảm bảo nhu cầu nguyên liệu được quy hoạch phát triển:** Để giảm chi phí đầu vào, tăng sức cạnh tranh sản phẩm mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp, ngoài giá mua nguyên liệu hình thành từ thị trường, các chủ doanh nghiệp cần có phương án đầu tư thâm canh vùng nguyên liệu, đồng thời đầu tư các máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến, hiện đại, nghiên cứu cải tiến dây chuyền thiết bị hiện có để tăng năng suất chế biến, chủ động xây dựng phương án sản xuất để sau năm 2020 hạn chế và đi đến không xuất khẩu dăm gỗ.

- **Đối với các dự án trồng rừng:** Tiếp tục thực hiện Dự án trồng rừng Thương mại (QPFL) quy mô 11.000 ha; Dự án phát triển ngành lâm nghiệp (WB3) quy mô dự án 13.200 ha; Dự án khôi phục và quản lý rừng bền vững (KFW6) quy mô 8.210 ha; trồng 18.000 ha rừng sản xuất trên đất trống đồi núi trọc theo quy hoạch sản xuất lâm nghiệp; trồng cây phân tán trong nhân dân trên 2 triệu cây/năm, giai đoạn 2011-2020 trồng tương ứng 12.500 ha.

- **Xây dựng vườn ươm:** Quy mô diện tích vườn ươm trên địa bàn tỉnh khoảng 37 - 40 ha, công suất vườn ươm khoảng 52 triệu cây/năm (trong đó nhu cầu phục vụ trên địa bàn tỉnh 15 triệu cây các loại), còn lại phục vụ nhu cầu trồng rừng các tỉnh bạn và vùng lân cận.

b. Nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2025 là 3.335 tỷ đồng.

Trong đó, vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến dăm gỗ: 1.569 tỷ đồng, chiếm 47%; nhu cầu vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân trồng rừng 1.766 tỷ đồng, chiếm 53% so với tổng vốn đầu tư.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về vùng nguyên liệu

Quản lý và sử dụng có hiệu quả diện tích rừng sản xuất được quy hoạch, thực hiện các dự án hỗ trợ trồng rừng và dịch vụ chi trả môi trường để khuyến khích phát triển rừng một cách nhanh chóng và bền vững, đảm bảo đủ nguyên liệu cho chế biến theo Quy hoạch. Thực hiện các biện pháp trồng rừng và khai thác hiệu quả để hình thành rừng gỗ lớn thay thế nhập khẩu.

- **Đối với các cơ sở chế biến:** Các nhà máy chế biến phải gắn kết khả năng cân đối với vùng nguyên liệu, gắn lợi ích kinh tế của người sản xuất nguyên liệu với

hiệu quả hoạt động của nhà máy chế biến. Lựa chọn thiết bị và công nghệ đảm bảo sử dụng gỗ rừng trồng kết hợp tận dụng các loại phế liệu để sản xuất ra sản phẩm có chất lượng, giá trị cao, đồng thời đẩy mạnh việc kết hợp chế biến dăm gỗ với các sản phẩm khác từ dăm gỗ (các loại ván).

- Đối với các đơn vị trồng rừng: Xác định cụ thể chi tiết quỹ đất trên diện tích được giao hoặc có phương án liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác hoặc người dân để tạo quỹ đất phát triển rừng nguyên liệu đáp ứng với nhu cầu nguyên liệu của các nhà máy chế biến. Xác định cơ cấu cây rừng trồng phù hợp, đồng thời đảm bảo sản phẩm đầu ra có địa chỉ tiêu thụ cụ thể bằng các hợp đồng tiêu thụ nguyên liệu hoặc tham gia góp vốn vào các nhà máy chế biến bằng vùng nguyên liệu.

- Đối với chính quyền địa phương: Rà soát, thống kê chi tiết các đơn vị lâm nghiệp có nhu cầu liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp chế biến để trồng mới rừng hoặc tiếp tục đầu tư trên các diện tích rừng hiện có. Công bố quy hoạch bảo vệ phát triển rừng của địa phương, chi tiết về diện tích, địa điểm, chủ quản lý rừng sản xuất là rừng trồng hiện có và quỹ đất quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất. Quy hoạch xây dựng hệ thống vườn ươm sản xuất giống cây lâm nghiệp và thông tin đến các cơ sở đủ điều kiện sản xuất giống, trong đó khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất giống cây công nghệ cao.

2. Về cơ chế, chính sách

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến; cơ chế liên kết giữa hộ gia đình trồng nguyên liệu, các doanh nghiệp lâm nghiệp với các cơ sở, doanh nghiệp chế biến dăm gỗ.

3. Giải pháp về vốn

Vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trồng rừng, chế biến dăm gỗ chủ yếu là vốn của doanh nghiệp, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn khác do doanh nghiệp huy động theo nhu cầu sản xuất kinh doanh từng giai đoạn của đơn vị.

Thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi đã ban hành đối với các tổ chức, cá nhân trồng rừng như chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách tín dụng phục vụ phát triển, nông thôn của Chính phủ; các chính sách hỗ trợ tài chính và ưu đãi về thuế cho phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến gỗ đối với người trồng rừng cung cấp nguyên liệu cho nhà máy.

4. Về đất đai

Chủ động quy hoạch đất trồng rừng sản xuất và thông báo công khai để kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trồng rừng, đẩy nhanh tiến độ giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Đối với đất quy hoạch để trồng rừng sản xuất hiện nay do các tổ chức của Nhà nước quản lý, nếu chưa có đủ điều kiện để giao đất, các tổ chức thực hiện khoán đất lâm nghiệp ổn định lâu dài (50 năm) để các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng

rừng sản xuất.

5. Giải pháp thị trường

Tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống có sức mua lớn như Trung Quốc, Nhật Bản để đẩy nhanh tiêu thụ sản phẩm, đồng thời tìm kiếm, mở rộng thị trường mới có tiềm năng như Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc... nhằm điều phối đơn hàng, giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường chính. Từng bước mở rộng thị trường trong nước cho các ngành chế biến sâu từ dăm gỗ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm dăm gỗ, ổn định sản xuất, tăng sức cạnh tranh, mang lại hiệu quả cho cơ sở chế biến và người trồng rừng.

Phát huy vai trò của hiệp hội, nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường, cung cấp thông tin cập nhật về thị trường thế giới trên các mặt giá cả, cân đối cung cầu, chất lượng sản phẩm và những yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu. Tăng cường sự đoàn kết, hỗ trợ, trao đổi kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp cùng ngành hàng để tăng hiệu quả hoạt động và tránh khách hàng ép giá.

Nâng cao trình độ hiểu biết về luật pháp quốc tế để chủ động đối phó và đấu tranh với những tranh chấp và rào cản thương mại do chính sách bảo hộ của các nước nhập khẩu áp đặt. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tham tán thương mại tại nước ngoài và tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các thị trường tiềm năng, thị trường mới để đẩy mạnh tiêu thụ dăm gỗ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan công bố quy hoạch đã được phê duyệt; quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến dăm gỗ trên địa bàn tỉnh phù hợp quy hoạch phát triển và bảo vệ rừng; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo đề xuất các vấn đề có liên quan cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.!

Trần Văn

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP CN, PVP NN;
- Lưu: VT, K6. *ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng